

Số: /2024/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Nghị quyết số 440/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận tổ chức, sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4883/TTr-STC ngày 23 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH, NN, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa và Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Chủ tịch Quỹ, đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thanh Hóa.

b) Tên giao dịch quốc tế: Thanh Hoa Co-operative Development Assistance Fund; tên viết tắt là "THCDAF".

2. Trụ sở chính: đặt tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại: 02373.723.666.
- Email: QuyhotroHTXTH@gmail.com.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động:

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định.

b) Cho vay theo đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phạm vi hoạt động: Quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Quỹ tối thiểu là 20 tỷ đồng (hai mươi tỷ đồng).

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

5. Nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh giao.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp).

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Đối tượng được ưu tiên cho vay từ Quỹ trong từng thời kỳ thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa.

3. Điều kiện cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm.

6. Phương thức cho vay thực hiện theo Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, miễn, giảm lãi suất cho vay trong hạn và lãi quá hạn sau khi Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt chủ trương.

8. Bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Nhận ủy thác cho vay

1. Quỹ nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để thực hiện hoạt động cho vay.

2. Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 9. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro trong cho vay thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ; gia hạn nợ) sau khi được Hội đồng xử lý rủi ro thông qua.

Điều 12. Huy động vốn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Hoạt động khác của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 15. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện pháp luật và đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Quỹ hợp tác xã không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và quy định về tiêu chuẩn cán bộ có liên quan.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ; có ý kiến về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc Quỹ trước khi Giám đốc Quỹ quyết định.

c) Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc Quỹ.

d) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ.

đ) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ.

e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

g) Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

h) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị.

i) Giải trình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về những công việc theo phân công hoặc theo quyết định;

k) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này.

Điều 16. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Kiểm soát viên Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm; Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

5. Chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ, được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc Quỹ trình Chủ tịch Quỹ quyết định.

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ theo quy định.

c) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc

sau khi được Chủ tịch Quỹ phê duyệt. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời báo cáo Chủ tịch Quỹ.

g) Xây dựng dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ.

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

k) Quyết định tuyển dụng, bổ trí, đào tạo, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật người lao động của Quỹ theo quy chế, quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn (nếu cần thiết). Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ.

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc Quỹ tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị.

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ.

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 18. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Phó Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ được thực hiện theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh hoặc Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

b) Thực hiện đúng nội dung ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt.

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 19. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế; làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Có đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công của Giám đốc Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và quyết toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền.

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 20. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Chủ tịch Quỹ quyết định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của bộ máy giúp việc.

3. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc Quỹ sau khi được Chủ tịch Quỹ phê duyệt.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc: tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 05 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hằng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hằng năm làm cơ sở tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động.

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy định của Quỹ và pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 21. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 36 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Lương, phụ cấp lương của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Chương V MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 25. Quan hệ với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam

1. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

a) Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.

c) Thực hiện trên cơ sở phối hợp hoạt động có sự thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

2. Nội dung phối hợp hoạt động

a) Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để thực hiện hoạt động cho vay.

b) Cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.

c) Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.

d) Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh, thành phố khác.

đ) Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, người lao động của Quỹ.

e) Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh.

g) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

h) Lập và gửi báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm theo Điều lệ này về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

i) Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quan hệ với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Quỹ chịu trách nhiệm tham mưu cho Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ và phê duyệt điều chỉnh tăng, giảm mức vốn điều lệ của Quỹ hợp tác xã địa phương trong quá trình hoạt động trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ; đảm bảo nguyên tắc không trái với các quy định của pháp luật, bình đẳng, cùng có lợi, an toàn và hiệu quả.

Chương VI

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 27. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, Quỹ đưa ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Các trường hợp giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Phá sản Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 50 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Chủ tịch Quỹ báo cáo Liên minh hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thỏa thuận khác.

2. Bộ máy giúp việc, người lao động đang làm việc tại Quỹ được giữ nguyên, tiếp tục công tác tại mô hình mới để đảm bảo tính liên tục, kế thừa và ổn định.

3. Căn cứ quy định trích dự phòng rủi ro cho vay quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thiếu so với số phải trích, trong vòng 12 tháng, Quỹ thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.